

Bản án số: 16/2023/ HNGĐ - ST

Ngày 27-7-2023

Về việc “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con, chia tài sản chung  
và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Trần Thị Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Khánh.
2. Bà Nguyễn Thị Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 07/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông NVQ, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Ông Q có mặt tại phiên tòa;

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Kim C, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Bà C có mặt tại phiên tòa;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội, đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng- Tổng Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn Kha- Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nghĩa Hành, theo quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông NC (L), sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn A, xã HD, huyện N, Quảng Ngãi;

+ Ông TVL, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn Tb, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà LTKC, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn TB, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà NTTD, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông NHS, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn Tb, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo ủy quyền của ông NHS là bà NTAT, theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2023 có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, biên bản phiên họp và tại phiên tòa, nguyên đơn ông NVQ trình bày:*

Ông và bà PTKC có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Nghĩa Hành vào ngày 26 tháng 12 năm 1989. Trong quá trình chung sống ông và bà C không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn vì tính cách sống trái ngược, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2019 đến nay, ông và bà C đã sống ly thân nhau, bà C đi thuê nhà trọ sống nơi khác nên ông và bà C phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Vào tháng 10 năm 2020 bà C có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con, Ca tài sản chung và nghĩa vụ tài sản với ông, nhưng sau đó bà C đã rút yêu cầu khởi kiện, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông không đồng ý với việc bà C rút yêu cầu khởi kiện nên ông đã có đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà PTKC.

- Về nuôi con: Ông và bà C có 05 người con là NTDM (sinh năm 1990), NTQN (sinh năm 1993), NTCL (sinh năm 1995), NTAT (sinh năm 2004) và NTTN (sinh ngày 01/4/2006). Các con NTDM, NTQN và NTCL đều đã kết hôn, NTAT đã thành niên, đủ khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu NTTN, khi ly hôn, ông yêu cầu giao cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông có yêu cầu về chia tài sản chung giữa ông với bà PTKC đối với thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 xã H và một ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 nêu trên, địa chỉ nhà và đất: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng ngày 28/6/2023, ông đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về Ca tài sản chung giữa ông với bà PTKC, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, ông và bà C sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông và bà PTKC có nợ của ông NV tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông NC, ông TVL, bà LTKC, bà NTTD, ông NHS đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ, vì vậy ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Khi khởi kiện thì ông và bà C có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền nợ gốc và lãi là 20.056.416 đồng, nhưng vừa qua bà C đã trả nợ, Ngân hàng chính sách xã hội rút yêu cầu khởi kiện, nên nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, biên bản phiên họp và tại phiên tòa, bị đơn là bà PTKC trình bày:*

Bà và ông NVQ đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Nghĩa Hành vào năm 1989. Quá trình chung sống kể từ thời điểm sau khi sinh người con đầu lòng đến năm 2019 thì giữa bà và ông Q thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, ông Q thường xuyên đánh đập bà, vì lý do ông Q đánh bạc, không lo làm ăn, khi bà khuyên nhủ thì xảy ra mâu thuẫn, Công an xã H cũng đã phải đến can thiệp. Bà đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng sau đó lại rút yêu cầu khởi kiện. Đến năm 2019, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà đã đưa con đi thuê nhà trọ nơi khác sinh sống, không chung sống với ông Q nữa và bà đã có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản với ông Q và kể từ năm 2019 đến nay bà và ông Q không sống chung nhà với nhau, mỗi người ở một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Vì các con khuyên nhủ và bà cũng nhận thấy bà và ông Q đều đã lớn tuổi, có sui gia nên bà không muốn ly hôn nữa, vì vậy vào tháng 4 năm 2021 bà đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nhưng ông Q không đồng ý với việc bà rút yêu cầu khởi kiện nên ông Q đã có đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà, nay bà không đồng ý ly hôn với ông Q, bà mong muốn bà và ông Q đoàn tụ lại cùng chung sống vì đều đã lớn tuổi rồi.

- Về con: Bà và ông Q có 05 người con là NTDM (sinh năm 1990), NTQN (sinh năm 1993), NTCL (sinh năm 1995), NTAT (sinh năm 2004) và NTTN (sinh ngày 01/4/2006). Các con NTDM, NTQN và NTCL đều đã kết hôn, NTAT đã thành niên, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu NTTN, khi ly hôn, bà nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu về chia tài sản chung đối với thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 xã H và một ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 nêu trên, địa chỉ nhà và đất: Thôn T, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 23/4/2021, bà đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về Ca tài sản chung, sau đó ông Q khởi kiện yêu cầu Ca tài sản chung và nay ông Q cũng đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về Ca tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, vì vậy bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa bà và ông Q, bà và ông Q sẽ tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà và ông NVQ có nợ của ông NV tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông NC, ông TVL, bà LTKC, bà NTTD, ông NHS đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ, vì vậy bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Khi khởi kiện thì ông Q và bà có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền nợ gốc và lãi là 20.056.416 đồng, nhưng vừa qua bà đã trả nợ, Ngân hàng chính sách xã hội rút yêu cầu khởi kiện, nên nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:*

Vào ngày 09/5/2018 ông NVQ và bà PTKC có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội mã món vay số 6600000712714761, chương trình hộ cận nghèo, với số tiền vay là 20.000.000 đồng để trồng cây keo. Vì ông Q và bà C chưa trả nợ nên Ngân hàng chính sách xã hội đã khởi kiện. Nhưng vào ngày

16 tháng 5 năm 2023 ông NVQ và bà PTKC đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội, vì vậy vào ngày 28/6/2023 Ngân hàng chính sách xã hội đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông NVQ và bà PTKC, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp và đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TVL trình bày:*

Ông NVQ và bà PTKC có mua hàng hóa của ông và còn nợ ông số tiền là 7.194.000đồng, vì ông Q và bà C chưa trả nợ nên ông đã khởi kiện. Nhưng nay ông NVQ và bà PTKC đã cùng với ông tự thỏa thuận về việc trả số tiền nợ nêu trên, vì vậy vào ngày 29/6/2023 ông TVL đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông NVQ và bà PTKC, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp và đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTKC trình bày:*

Ông NVQ và bà PTKC có mua hàng hóa của bà và còn nợ bà số tiền là 5.672.000đồng, vì ông Q và bà C chưa trả nợ nên bà đã khởi kiện. Nhưng nay ông NVQ và bà PTKC đã cùng với bà tự thỏa thuận về việc trả số tiền nợ nêu trên, vì vậy vào ngày 29/6/2023 bà LTKC đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông NVQ và bà PTKC, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp và đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTTD trình bày:*

Ông NVQ và bà PTKC có vay của bà số tiền là 20.000.000 đồng, vì ông Q và bà C chưa trả nợ nên bà đã khởi kiện. Nhưng nay ông NVQ và bà PTKC đã cùng với bà tự thỏa thuận về việc trả số tiền nợ nêu trên, vì vậy vào ngày 28/6/2023 bà NTTD đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông NVQ và bà PTKC, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp và đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NC trình bày:*

Ông NVQ và bà PTKC có vay của ông số tiền là 45.167.000 đồng, vì ông Q và bà C chưa trả nợ nên ông đã khởi kiện. Nhưng nay ông NVQ và bà PTKC đã cùng với ông tự thỏa thuận về việc trả số tiền nợ nêu trên, vì vậy vào ngày 29/6/2023 ông NC đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông NVQ và bà PTKC, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp và đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NHS mà người đại diện theo ủy quyền là bà NTAT trình bày:*

Ông NVQ và bà PTKC có mua hàng hóa của ông NHS và còn nợ ông số tiền là 8.754.000đồng, vì ông Q và bà C chưa trả nợ nên ông NHS đã khởi kiện. Nhưng nay ông NVQ và bà PTKC đã cùng với ông Sĩ tự thỏa thuận về việc trả số tiền nợ nêu trên, vì vậy vào ngày 29/6/2023 ông NHS đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông NVQ và bà PTKC, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 85 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 203, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 244, Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 56, Khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NVQ, ông NVQ được ly hôn bà PTKC ; Về nuôi con: Giao con NTTN (sinh ngày 01/4/2006) cho bà PTKC nuôi dưỡng, không yêu cầu ông NVQ không phải cấp dưỡng nuôi con; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về Chia tài sản chung khi ly hôn của ông NVQ và bà PTKC ; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về nghĩa vụ trả nợ: Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội, ông NHS, ông TVL, ông NC (L), bà NTTD và bà LTKC.

Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng:

[1] Bà PTKC và ông NVQ đều có nơi cư trú ở xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông NVQ và bà PTKC có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26 tháng 12 năm 1989, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Q và bà C có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà LTKC, NTTD, ông TVL và Ngân hàng chính sách xã hội có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

\* Về nội dung:

[1] Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, nhận thấy: Vào ngày 25/9/2020 bà PTKC đã có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản với ông NVQ. Đến tháng 4 năm 2021, bà C đã rút yêu cầu khởi kiện ly hôn ông Q, nhưng ông Q không đồng ý với việc bà C rút yêu cầu khởi kiện nên ông Q đã có đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà C, nay bà C không đồng ý ly hôn ông Q.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống giữa ông Q và bà C đã xảy ra mâu thuẫn trong một thời gian kéo dài, thường xuyên cãi nhau, ông

Q có đánh đập bà C, ông Q và bà C đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn nhưng sau đó đã xin nhận lại đơn khởi kiện (Tòa án mới nhận đơn, chưa thụ lý vụ án) để về cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng không được, nên đến năm 2020 bà C đã khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Q. Kể từ năm 2019 đến nay bà C và ông Q không sống chung nhà với nhau, bà C đưa con đi thuê phòng trọ ở nên mỗi người sống ở một nơi và không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông NVQ và bà PTKC đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử giải quyết cho ông NVQ ly hôn bà PTKC là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con: Ông Q và bà C có 05 người con là NTDM (sinh năm 1990), NTQN (sinh năm 1993), NTCL (sinh năm 1995), NTAT (sinh năm 2004) và NTTN (sinh ngày 01/4/2006). Các con NTDM, NTQN và NTCL đều đã kết hôn, NTAT đã thành niên, đủ khả năng lao động, nên ông Q và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu NTTN (sinh ngày 01/4/2006), ông Q yêu cầu giao cho bà C nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con, bà C cũng nhận nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, cháu NTTN cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu NTTN (sinh ngày 01/4/2006) cho bà PTKC trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 .

[3] Về tài sản chung:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai bà PTKC và ông NVQ đều có yêu cầu về việc yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 xã H và một ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 nêu trên, địa chỉ nhà và đất: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng vào ngày 23/4/2021 bà PTKC đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện về CHIa tài sản chung và vào ngày 28/6/2023, ông NVQ có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung giữa ông với bà PTKC , không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà PTKC và ông NVQ là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông NVQ và bà PTKC về việc yêu cầu Chia tài sản chung là thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 xã H và một ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 nêu trên, địa chỉ nhà và đất: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, nếu sau này ông NVQ và bà PTKC khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ông NVQ và bà PTKC không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Về nghĩa vụ tài sản (nghĩa vụ trả nợ):

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội, ông NHS, ông TVL, ông NC (L), bà NTTD và bà LTKC có đơn khởi kiện yêu cầu ông NVQ và bà PTKC phải trả nợ, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đã thỏa thuận được việc trả nợ với bà C, ông Q, vì vậy, vào ngày 28/6/2023 Ngân hàng chính sách xã hội và bà NTTD đã

có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Q và bà C; ngày 29/6/2023, ông NHS, ông TVL, ông NC (L) và bà LTKC đều đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Q và bà C, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Xét thấy việc rút yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội, ông NHS, ông TVL, ông NC (L), bà NTTD và bà LTKC là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội, ông NHS, ông TVL, ông NC (L), bà NTTD và bà LTKC về việc yêu cầu ông NVQ và bà PTKC phải có nghĩa vụ trả nợ, nếu sau này Ngân hàng chính sách xã hội, ông NHS, ông TVL, ông NC (L), bà NTTD và bà LTKC khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ngân hàng chính sách xã hội, ông NHS, ông TVL, ông NC (L), bà NTTD và bà LTKC không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản giữa ông NVQ, bà PTKC và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông NVQ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.300.000đồng tạm ứng án phí ông Q đã nộp, hoàn trả lại ông Q khoản tiền chênh lệch là 5.000.000đồng.

- Ông NVQ phải chịu C phí tố tụng là 9.000.000đồng, ông NVQ đã nộp tạm ứng và thi hành xong.

- Bà PTKC không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà PTKC số tiền tạm ứng án phí 5.300.000đồng mà bà PTKC đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004639 ngày 08/10/2020 của C cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Ông NHS không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông NHS số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông NHS đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004676 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Ông TVL không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông TVL số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông TVL đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004684 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Ông NC (L) không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông NC số tiền tạm ứng án phí 1.129.175đồng mà ông NC đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004672 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Bà NTTD không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà NTTD số tiền tạm ứng án phí 500.000đồng mà bà NTTD đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004678 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Bà LTKC không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà LTKC số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà LTKC đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004677 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 5 Điều 157, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NVQ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho ông NVQ ly hôn bà PTKC .

2. Giao cháu NTTN (sinh ngày 01/4/2006) cho bà PTKC trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông NVQ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông NVQ và bà PTKC về việc yêu cầu Ca tài sản chung là thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 xã H và một ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 03 nêu trên, địa chỉ nhà và đất: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội về việc yêu cầu ông NVQ và bà PTKC phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi của món vay mã số 6600000712714761, chương trình hộ cận nghèo.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông TVL về việc yêu cầu ông NVQ và bà PTKC phải có nghĩa vụ trả số tiền 7.194.000đồng.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà LTKC về việc yêu cầu ông NVQ và bà PTKC phải có nghĩa vụ trả số tiền 5.672.000đồng.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông NC (L) về việc yêu cầu ông NVQ và bà PTKC phải có nghĩa vụ trả số tiền 45.167.000 đồng.

8. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà NTTD về việc yêu cầu ông NVQ và bà PTKC phải có nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000đồng.

9. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông NHS về việc yêu cầu ông NVQ và bà PTKC phải có nghĩa vụ trả số tiền 8.754.000đồng.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông NVQ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.300.000đồng tạm ứng án phí ông Q đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003976 ngày 18/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, hoàn trả lại ông Q khoản tiền chênh lệch là 5.000.000đồng.

- Ông NVQ phải chịu C phí tố tụng là 9.000.000đồng, ông Nguyễn Văn Q đã thi hành xong.

- Bà PTKC không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà PTKC số tiền tạm ứng án phí 5.300.000đồng mà bà PTKC đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004639 ngày 08/10/2020 của C cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Ông NHS không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông NHS số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông NHS đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004676 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Ông TVL không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông TVL số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông TVL đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004684 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Ông NC (L) không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông NC số tiền tạm ứng án phí 1.129.175đồng mà ông NC đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004672 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Bà NTTD không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà NTTD số tiền tạm ứng án phí 500.000đồng mà bà NTTD đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004678 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

- Bà LTKC không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà LTKC số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà LTKC đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004677 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- C cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**Trần Thị Thanh Bình**

